

V, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979.

ĐKHKT: Tổ 3, phố H, phường T, TP. V, tỉnh P.

Người được uỷ quyền:

1. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 8, khu 2, Phường V, TP. V, tỉnh P.

2. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996.

ĐKHKT: Tổ 38, phường V, thành phố V, tỉnh P.

3. Bà Chủ Thị Mỹ Hoa, sinh năm 1988.

ĐKHKT: Khu 1, xã T, huyện L, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1974.

ĐKHKT: Tổ 3, phố H, phường T, TP. V, tỉnh P

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H đều thống nhất trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm có:

+ Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 69, diện tích 217m², địa chỉ thửa đất: Phố H, phường T, thành phố V, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP881871. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố V thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giải quyết tranh chấp thì diện tích thửa đất hiện nay còn 69,4m², có tọa độ mốc giới 1, 2, 3, 4, 1. Trong đó điểm 1, 2 = 17,65m; 2, 3 = 4,05m; 3, 4 = 17,07m; 4, 1 = 4,00m. (có sơ đồ hiện trạng kèm theo)

+ Thửa đất số 03-3, tờ bản đồ số 69, diện tích 130m², (trong đó 64,0m² đất ở, 66,0m² đất vườn) địa chỉ thửa đất: Phố H, phường T, thành phố V, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL617645 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P cấp ngày 07/11/2012 cho ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Nay chị H và anh H thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung sau ly hôn như sau:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt tài sản là 01 thửa đất diện tích 69,4m², có tọa độ mốc giới 1, 2, 3, 4, 1. Trong đó điểm 1, 2 = 17,65m; 2, 3 = 4,05m; 3, 4 = 17,07m; 4, 1 = 4,00m tại thửa số 04, tờ bản đồ số 69, địa chỉ thửa đất: Phố H, phường T, thành phố V, tỉnh P (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Chị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

+ Giao cho anh Phạm Văn H được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt tài sản là 01 thửa đất diện tích 130m², (trong đó 64,0m² đất ở, 66,0m² đất vườn) Thửa đất số 03-3, tờ bản đồ số 69, địa chỉ thửa đất: Phố H, phường T, thành phố V, tỉnh P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL617645 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P cấp ngày 07/11/2012 cho ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn H không pH thanh toán bất cứ khoản tiền chênh lệch tài sản nào cho nhau.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện xin chịu toàn bộ và không yêu cầu anh Phạm Văn H pH chịu.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu: 2.252.250đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng*). Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000309 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P. Chị H còn phải nộp 1.952.250đ (*Một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi đồng*)

+ Anh Phạm Văn H phải chịu: 2.280.772đ (*Hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Anh T

